

Số: 01/2022/QĐST-DS

Tam Điệp, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: số 117, đường Q, phường Q, thành phố V, tỉnh Ngh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Thái H; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T; chức vụ: Tổng giám đốc công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần B (giấy ủy quyền số 99/UQ-BAC ABANK ngày 28/8/2018).

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Mai Tuấn H; chức vụ: trưởng phòng pháp chế Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần B.

- Ông Lê Đức H; chức vụ: phó trưởng phòng pháp chế Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần B.

- Ông Tạ Văn H; chuyên viên phòng pháp chế Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần B. (giấy ủy quyền số 136/2021/UQ-TGD ngày 01/6/2021).

Bị đơn: anh Dương Ngọc S, sinh năm 1984 và chị Lê Thị V, sinh năm 1987.

Đều trú tại: thôn 4b, xã Đ, thành phố T, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn B, sinh năm 1951 và bà Lê Thị Ph, sinh năm 1956

Đều trú tại: thôn M, xã Ph, huyện Y, tỉnh H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng thương mại cổ phần B và vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V thống nhất đến ngày 31/3/2022 vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 456.463.303đ (*bốn trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm linh ba đồng*), trong đó nợ gốc là 250.000.000đ; nợ lãi là 206.463.303đ (trong đó nợ lãi trong hạn là 80.747đ, nợ lãi quá hạn 203.270.833đ, phạt chậm trả lãi trong hạn là 3.111.450đ) theo hợp đồng tín dụng số HY001697/2016/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2016.

2.2. Về Phương Thức trả nợ:

Ngân hàng thương mại cổ phần B và vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V thống nhất:

Vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần B theo ba kỳ trả nợ cụ thể như sau:

Kỳ 1: ngày 01 tháng 7 năm 2022 vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đ.

Kỳ 2: ngày 01 tháng 8 năm 2022 vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ.

Kỳ 3: ngày 01 tháng 9 năm 2022, vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V phải trả số tiền lãi 206.463.303đ, (trong đó nợ lãi trong hạn là 80.747đ, nợ lãi quá hạn 203.270.833đ, phạt chậm trả lãi trong hạn là 3.111.450đ).

Kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi phải thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HY001697/2016/HĐTD-BacABank ngày 23/5/2016.

Trường hợp vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 28/10/2013, trong đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản nhà ở, vật phụ, trang thiết bị kèm theo, phần giá trị công trình xây dựng, diện tích cải tạo, xây dựng thêm và các tài sản khác gắn liền với đất diện tích 247m² tại thửa đất

226, tờ bản đồ số 30, địa chỉ tại: thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông Lê Văn B và bà Lê Thị Ph.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng anh Dương Ngọc S, chị Lê Thị V phải chịu **11.129.000đ** (*mười một triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền **10.319.000đ** (*mười triệu ba trăm mười chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai số AA/2021/0002552 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tam Điệp;
- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Đinh Xuân Tường